TOÀ ÁN N DÂN **HUYỆN B** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2019/DS-ST
Ngày 16-10-2019
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi và vay tài sản

N D

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN N DÂN HUYỆN B – TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoài Tâm.

Các Hội thẩm N dân:

1. Ông Nguyễn Thái Bình;

2. Ông Lê Thanh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy An - Thư ký Toà án N dân huyện B, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát N dân huyện B, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Hg Đình Lưỡng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án N dân huyện B, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2019/TLST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2019 về "tranh chấp hợp đồng góp hụi và vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2019/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 9 năm 2019 và Quyết định Hoãn phiên tòa số: 16/2019/QĐST-DS ngày 30 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trương Thị H, sinh năm 1988. Địa chỉ cư trú: Tổ 8, khu phố 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

2. Bị đơn: Chị Lê Thị Thanh T, sinh năm 1990. Địa chỉ cư trú: ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Anh Lai Hồng D, sinh năm 1982. Địa chỉ cư trú: ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đơn khởi kiện đề ngày 24-5-2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị H trình bày:

Chị và chị Lê Thị Thanh T làm chung Công ty TNHH VMC Hg Gia thuộc ấp T, xã D, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Do làm chung xưởng nên chị và chị T quen biết nhau.

Chị H có mở một dây hụi 1.000.000 đồng/tháng, khui ngày 10-7-2017, gồm có 20 phần hụi, do chị làm chủ hụi. Chị T có tham gia 01 phần hụi. Chị T góp hụi được 02 lần, đến lần thứ 3 vào ngày 10-9-2017 thì chị T hốt hụi, chị T lĩnh hụi được 12.650.000 đồng, nhưng khi giao T hụi cho chị T chị không có làm giấy giao T hụi. Sau khi lĩnh hụi xong chị T có góp hụi chết được 9 kỳ từ ngày 10-10-2017 đến ngày 10-7-2018 thì ngưng không góp tiếp. Chị T còn nợ lại 8 kỳ hụi chết, với số T là 8.000.000 đồng. Ngoài ra, vào ngày 25 tháng chạp năm 2018 (AL) chị còn cho chị T mượn số T 2.700.000 đồng, không lấy T lãi.

Tổng cộng T hụi và T vay chị T còn nợ chị H là 10.700.000 đồng.

Việc góp hụi chị H có lập D sách hụi viên, nhưng chị T không có ký tên vào D sách hụi viên, khi lĩnh hụi chị T cũng không có ký nhận giấy tờ gì. Đối với số T vay 2.700.000 đồng chị H cũng không có lập giấy biên nhận cho chị T ký nhận.

Chị H yêu cầu xác minh chị Vũ Thị Liên H, Nguyễn Thúy T, chị Phạm Thị S, anh Trần Thành N để chứng minh việc chị T tham gia góp hụi và nợ T hụi, T vay.

Việc tham gia góp hụi và vay T của chị T, anh D không biết, nên chị H chỉ khởi kiện yêu cầu chị T không yêu cầu anh D.

Bị đơn chị Lê Thị Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, không có lời khai. Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại nhà chị T, Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh và tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh hợp lệ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 30-7-2019, anh Lai Hồng D trình bày:

Anh và chị Lê Thị Thanh T là vợ chồng, chưa ly hôn, nhưng hiện tại chị T đã bỏ nhà đi đâu anh không biết, không còn sống chung với anh. Việc chị T tham gia góp hụi và lĩnh hụi của chị H anh không biết, đến khi chị H đến nhà đòi nợ anh mới biết. Anh không đồng ý trả nợ thay cho chị T.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thời hạn thụ lý, giải quyết vụ án; việc cấp tống đạt văn bản tố tụng và việc tuân thủ quy định pháp luật của người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: căn cứ Điều 471, 463 Bộ Luật Dân sự; Điều 9, Điều 15 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP, ngày 27/11/2006

của Chính phủ; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Không chấp nhận yêu cầu của chị Trương Thị H đối với chị Lê Thị Thanh T.

Chị Trương Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị T, anh D đã được Tòa án cấp, tống đạt, thông báo hợp lệ nhưng chị T, anh D vắng mặt không có lý do, áp dụng khoản 3 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T và anh D.

[2] Về nội dung vụ án: Vào ngày 10-7-2017, chị H có tổ chức chơi hụi, hình thức là hụi có lãi, góp hụi mỗi tháng 1.000.000 đồng. Trong đó, chị T tham gia góp 01 phần hụi và đã lĩnh hụi xong, chị T còn phải góp cho chị H 8 kỳ hụi chết, mỗi kỳ 1.000.000 đồng, tổng cộng là 8.000.000 đồng. Ngoài ra, ngày 25 tháng chạp năm 2018 (AL) chị H cho chị T vay số T 2.700.000 đồng, không lấy T lãi. Tổng cộng T hụi và T vay là 10.700.000 đồng, chị T không trả cho chị H nên phát sinh tranh chấp.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của chị H thấy rằng:

[4.1] Đối với T hụi: Chị H cung cấp được "sổ hụi", D sách hụi viên, và những người cùng tham gia trong dây hụi. Qua các biên bản xác minh làm việc đối với những người chị H yêu cầu. Xác định được việc chị T có tham gia góp hụi do chị H làm chủ thảo. Tuy nhiên, trong quá trình góp hụi và lĩnh hụi chị H không làm giấy biên nhận cho chị T ký tên, điểm chỉ và cũng không có ai trực tiếp chứng kiến việc chị T lĩnh hụi và góp hụi cho chị H. Căn cứ vào Điều 9, Điều 15 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP yêu cầu khởi kiện của chị H đối với số T nợ hụi là không căn cứ chấp nhận.

[4.2] Đối với T vay: Ngày 25 tháng chạp năm 2017 (AL) chị H cho chị T vay số T 2.700.000 đồng, không lấy T lãi, chị H cho vay T nhưng không làm giấy biên nhận nợ hay giấy tờ gì khác, cũng không có ai chứng kiến việc chị H cho chị T vay T. Căn cứ vào các Điều 91, Điều 93 Bộ luật dân sự, chị H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình. Yêu cầu khởi kiện của chị H đối với số T vay không căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí: Chị Trương Thị H phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 471 Bộ Luật Dân sự; Điều 91, Điều 93 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 9, Điều 15 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP, ngày 27/11/2006 của Chính phủ; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị H đối với chị Lê Thị Thanh T, về việc buộc chị Lê Thị Thanh T trả số T 10.700.000 (mười triệu bảy trăm nghìn) đồng.

2. Về án phí: Chị Trương Thị H phải chịu 535.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm khấu trừ vào số T tạm ứng án phí chị H đã nộp 267.500 đồng theo biên lai số: 0021988 ngày 24-5-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Tây Ninh. Chị H còn phải nộp thêm 267.500 đồng.

Chị Lê Thị Thanh T, anh Lai Hồng D không phải chịu án phí.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Trương Thị H có quyền kháng cáo theo trình tự thủ tục phúc thẩm lên Tòa án N dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Lê Thị Thanh T, anh Lai Hồng D có quyền kháng lên Tòa án N dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp pháp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện B;
- C.c THADS huyện B;
- UBND xã L (lưu);
- Các đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Hoài Tâm